

Bản án số: 926/2026/HS-PT

Ngày: 28-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Phụng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 765/2026/HSPT ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S, kháng cáo của các bị hại Nguyễn Chí T1, Huỳnh Thanh T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 225/2026/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Văn S; Giới tính: Nam; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1996, tại: Cà Mau; Hộ khẩu thường trú: Không có nơi đăng ký thường trú; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; Con bà: Tạ Thị S1, sinh năm 1970; Vợ: Không; Con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Văn S đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, từ ngày 03/12/2025 tại Trại tạm giam Số 1 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- Bị cáo bị kháng cáo:

2. Nguyễn Minh T; giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 8 năm 2001, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 1184/7 đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 1184/7 đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Minh T3, sinh năm 1982; Con bà: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984; Vợ: Không; Con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Minh T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/10/2025 đến nay (có mặt tại phiên tòa).

- *Các bị hại kháng cáo:*

1) Ông Nguyễn Chí T1, sinh năm: 1984, nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã A, Thành phố Cần Thơ) (có mặt tại phiên tòa).

2) Bà Huỳnh Thanh T2, sinh năm: 1990, nơi cư trú: Ấp P, xã Q, tỉnh Vĩnh Long (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo uỷ quyền cho bị hại Huỳnh Thanh T2: bà Hồ Thị T4, sinh năm 1978; HKTT: E Bis P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1984, nơi cư trú: 1184/7 đường L, ấp A, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa:*

Luật sư Bùi Minh L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V, làm việc tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức D1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2025, Nguyễn Minh T điều khiển xe ba gác máy gắn biển số 60Y1-5068 chở Nguyễn Văn S đến nhà ông Lê Thanh H1 trên đường N, ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh lấy cơm nguội về cho cá ăn. Khi đến nơi, T đỗ xe trên đường N (tắt máy nhưng không rút chìa khoá) rồi đi vào nhà ông H1, còn S ở ngoài nên tự ý ngồi lên vị trí lái, nổ máy điều khiển xe quay đầu lại và khi T đi ra, S nói để S điều khiển tập chạy xe cho quen. T biết rõ S không có giấy phép lái xe nhưng vẫn đồng ý.

Sĩ điều khiển xe chở T lưu thông trên đường N, hướng từ đường L đi cầu C. Khi đến gần trụ đèn số T208T thuộc ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, do không làm chủ được tay lái khiến thùng xe phía sau va chạm vào tường hộ lan bên phải, S đánh lái sang bên trái nên lấn sang làn đường ngược chiều, tông vào xe mô tô biển số 68G1-158.75 do ông Nguyễn Chí T1 điều khiển chở bà Huỳnh

Thanh T2, đang lưu thông theo chiều ngược lại. Sau khi va chạm, ông T1, bà T2, T, S ngã xuống đường, còn xe ba gác chạy lên phía trước một đoạn rồi dừng lại. Hậu quả, ông T1, bà T2 và T bị thương được đưa đi cấp cứu, xe ba gác máy và xe mô tô bị hư hỏng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Minh T khai nhận biết rõ Nguyễn Văn S không có giấy phép lái xe theo quy định, nhưng do trước đó thấy S điều khiển được xe nên tin tưởng giao xe cho S. Nguyễn Văn S khai nhận không có giấy phép lái xe, nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là do điều khiển xe ba gác máy chưa quen, chuyển làn đường không đúng quy định. Qua xét nghiệm, Ethanol trong máu của Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh T là 00mg/dL.

Kết quả điều tra xác định: Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn S, Nguyễn Chí T1 đều không có giấy phép lái xe theo quy định.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ghi nhận: hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đường N, mặt đường được rải nhựa phẳng. Đường được chia thành 02 chiều phương tiện lưu thông bởi vạch sơn không liên tục ở giữa đường. Mỗi chiều lưu thông rộng 3,60 mét, được áp dụng cho tất cả mọi phương tiện lưu thông. Xe ba gác máy biển số: 60Y1-5068 dừng sau tai nạn: đầu xe hướng về cầu C, đuôi xe hướng về đường L. Xe mô tô biển số: 68G1-158.75 ngã sau tai nạn, đầu xe hướng về đường L, đuôi xe hướng về cầu C. Vết cày trên mặt đường dài 7,8 mét, có chiều hướng từ cầu C về đường L, điểm cuối vết cày kết thúc tại vị trí gác chân phía trước bên trái xe mô tô biển số 68G1-158.75. Sau tai nạn trên tường hộ lan ghi nhận vết cà trượt không liên nét dài 03 mét.

Kết luận giám định số 3595/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh về dấu vết va chạm:

1. Dấu vết va chạm, chiều hướng dấu vết va chạm và tọa độ va chạm giữa xe ba gác máy biển số 60Y1-5068 và xe mô tô biển số 68G1-158.75:

- Dấu vết trượt xước, in hằn, bám chất màu đen, cong, móp biến dạng các chi tiết phía trước bên trái xe ba gác máy biển số 60Y1-5068 (khung kim loại để chân trước, tay khóa phía trước bên trái thùng xe, thùng đồ gắn bên trái phía trước thùng xe) có chiều từ trước về sau phù hợp dấu vết trượt xước, in hằn các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 68G1-158.75 (tay cầm lái, để chân trước, để chân sau) có chiều từ trước về sau.

- Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm phía trước đầu vết cày ký hiệu số 2 và nằm trên phần đường bên phải đường N theo hướng cầu C đi đường L.

2. Khi va chạm xe mô tô biển số 68G1-158.75 đang chuyển động trên đường N theo hướng cầu C đi đường L; Xe ba gác máy biển số 60Y1-5068 đang chuyển động theo hướng ngược lại với xe mô tô biển số 68G1-158.75.

3. Dấu vết trượt xước đầu ốc phía trước bên phải dưới thùng xe và dấu vết trượt xước, cong vênh tay khóa phía trước bên phải thùng xe ba gác máy biển số

60Y1-5068 có chiều từ trước về sau phù hợp va chạm với tường hộ lan sóng bên phải đường N theo hướng đường L đi cầu C. Ngoài ra không phát hiện thấy dấu vết va chạm với phương tiện và vật cản khác trên xe ba gác máy biển số 60Y1-5068 và xe mô tô biển số 68G1-158.75.

Kết luận giám định số 3592/KL-KTHS ngày 20/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tại thời điểm giám định hệ thống phanh, hệ thống lái, lốp của xe mô tô biển số 68G1-158.75 hoạt động bình thường; Hệ thống đèn chiếu sáng, còi bị bể, vỡ, hư hỏng sau tai nạn.

- Xe ba gác máy biển số 60Y1-5068 là loại xe tự lắp ráp. Tại thời điểm giám định hệ thống phanh, hệ thống lái, còi, lốp của X máy gửi giám định hoạt động bình thường, không bị hư hỏng.

- Dung tích xi lanh của X máy biển số 60Y1-5068 được xác định bằng phương pháp đo đặc và tính toán là 202cm³. Dung tích xi lanh của xe mô tô biển số 68G1-158.75 được xác định bằng phương pháp đo đặc và tính toán là 110cm³. Không đủ cơ sở xác định động cơ trên 02 xe gửi giám định có đúng với thiết kế của nhà sản xuất hay không.

- Xe mô tô biển số 68G1-158.75 trước giám định có số khung là C6K0DY027966, số máy là 5C6K-027967. Sau giám định số khung, số máy không đổi.

- Xe ba gác máy gắn biển số 60Y1-5068 là xe tự lắp ráp; không phát hiện số khung, số máy trước, sau giám định: đục, mài phá sâu không đọc được.

Kết luận giám định số 3722KL-KTHS ngày 25/02/2026 của Phòng K Công an Thành phố H: Biển số xe 60Y1-5068 là giả.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3609/KLTTCT-C09B ngày 14/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với thương tích của Nguyễn Chí T1, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 85% (tám mươi lăm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3610/KLTTCT-C09B ngày 14/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với thương tích của Huỳnh Thanh T2, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 50% (năm mươi phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 3611/KLTTCT-C09B ngày 14/8/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với thương tích của Nguyễn Minh T, xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 05% (năm phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Chí T1, bà Huỳnh Thanh T2 và Nguyễn Minh T tại thời điểm giám định là 140% (một trăm bốn mươi phần trăm).

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 68G1-xxx, số máy 5C6K-yyy, số khung RLCS5C6K0DY027966, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen. Qua xác minh, xe do ông Mai Văn H2 đứng tên chủ xe. Ông H2 mua xe vào năm 2013, đến năm 2020 bán cho 01 cửa hàng xe cũ với giá 8.000.000 đồng, chưa làm thủ tục sang tên. Qua tra cứu, xe không nằm trong dữ liệu vật chứng. Ông Nguyễn Chí T1 mua lại xe cũ, không làm thủ tục sang tên. Ngày 25/6/2025, ông T1 điều khiển xe không có giấy phép lái xe. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã chuyển xe cùng các tài liệu liên quan cho Phòng C để xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

- 01 xe ba gác máy gắn biển số 60Y1-5068, không rõ nhãn hiệu, màu xám đỏ. Bà Nguyễn Thị Thu H mua vào tháng 8/2024 với giá tiền 39.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán. Sau khi mua, bà H giao cho con là Nguyễn Minh T quản lý, sử dụng. Vật chứng được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 để phục vụ công tác xét xử, thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa ông Nguyễn Chí T1 và bà Huỳnh Thanh T2 yêu cầu các bị cáo T và S phải bồi thường số tiền 474.100.000 đồng (trong đó tiền viện phí 100.000.000 đồng và tiền bồi thường tổn thất tinh thần 230.000.000 đồng và tiền bồi thường thu nhập thực tế bị mất của cả ông T1, bà T2 là 144.100.000 đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 258/CT-VKS-KV6 ngày 10/4/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 225/2026/HSST ngày 21/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1) Căn cứ theo điểm a, e khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn S 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2025. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

2) Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 264; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh T.

3) Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ các Điều 357, 468, 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ:

- Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Minh T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại là ông Nguyễn Chí T1 và bà Huỳnh Thanh T2 tổng số tiền 474.100.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng). Trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo được xác định tương ứng với mức độ lỗi như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Văn S (chịu 50% mức độ lỗi) phải bồi thường số tiền tương ứng là 237.050.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho các bị hại là ông Nguyễn Chí T1 và bà Huỳnh Thanh T2, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Bị cáo Nguyễn Minh T (chịu 50% mức độ lỗi) phải bồi thường số tiền tương ứng là 237.050.000 đồng. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thu H (mẹ ruột bị cáo T) đã nộp thay cho bị cáo T số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) để bồi thường trước cho các bị hại, số tiền này được khấu trừ trực tiếp vào nghĩa vụ của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Minh T còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 107.050.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) cho các bị hại là ông Nguyễn Chí T1 và bà Huỳnh Thanh T2 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/7/2026 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 31/7/2026 bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 04/8/2026 và ngày 14/8/2026, bị hại Nguyễn Chí T1 và bị hại Huỳnh Thanh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ bản án để điều tra lại, vì bị hại cho rằng người gây tai nạn là Nguyễn Minh T, không phải Nguyễn Văn S, lúc gây tai nạn bị cáo T mặc áo màu đen, viên màu đỏ là người cầm lái, bị cáo S mặc áo khoác đen ngồi bên cạnh, sau đó hai bị cáo đứng lên đổi tài, bị cáo Trung giựt lại, không làm chủ tay lái nên đã đâm qua đường bên phía bị hại; ngoài ra bị hại cũng cho rằng gia đình bị cáo T đã chạy án cho cơ quan điều tra và Hội đồng xét xử sơ thẩm với số tiền trên 500 triệu đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho rằng bị cáo điều khiển xe va chạm vào tường hộ lan bên phải, nên bị

cáo phải đánh lái sang bên trái, lấn sang làn đường ngược chiều và lúc này T chộp lấy một càng tay lái bên trái nhưng xe vẫn tông vào xe mô tô biển số 68G1-158.75 do ông Nguyễn Chí T1 điều khiển chở bà Huỳnh Thanh T2, đang lưu thông theo chiều ngược lại.

- Bị cáo Nguyễn Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện.

- Các bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn S 04 (bốn) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự và xét xử Nguyễn Minh T 01 (một) năm tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo: bị cáo S và các bị hại kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xem xét, nhận thấy bản án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội và mức án là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Luật sư Bùi Minh L trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S cho rằng sau khi để thùng xe va chạm với tường hộ lan bên phải, bị cáo S cầm tay lái bên phải đánh lái sang bên trái đường thì bị cáo T đứng lên và cầm càng lái bên trái, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lỗi gây tai nạn không chỉ do bị cáo S gây ra, mà còn do bị cáo T gây ra và xem xét lại mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo S vì mức án 04 năm tù là quá nặng đối với bị cáo S.

- Bị cáo Nguyễn Văn S đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, bị cáo không bổ sung gì thêm.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn S xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Minh T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 17 giờ ngày 25/6/2025, Nguyễn Minh T điều khiển xe ba gác máy gắn biển số 60Y1-5068 chở Nguyễn Văn S đến nhà ông Lê Thanh H1 trên đường N, ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh lấy cơm nguội về cho cá ăn. Khi đến nơi, T đỗ xe trên đường N (tắt máy nhưng không rút chìa khoá) rồi đi vào nhà ông H1, còn S ở ngoài nên tự ý ngồi lên vị trí lái, nổ máy điều khiển xe quay đầu lại và khi T đi ra, S nói để S điều khiển tập chạy xe cho quen. T biết rõ S không có giấy phép lái xe nhưng vẫn đồng ý.

Sĩ điều khiển xe chở T lưu thông trên đường N, hướng từ đường L đi cầu C. Khi đến gần trụ đèn số T208T thuộc ấp D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh, do không làm chủ được tay lái khiến thùng xe phía sau va chạm vào tường hộ lan bên phải nên S phải đánh lái sang bên trái nên lấn sang làn đường ngược chiều, tông vào xe mô tô biển số 68G1-158.75 do ông Nguyễn Chí T1 điều khiển chở bà Huỳnh Thanh T2, đang lưu thông theo chiều ngược lại. Tai nạn xảy ra, ông T1, bà T2, T, S ngã xuống đường bị thương được đưa đi cấp cứu.

[2] Theo các Kết luận giám định xác định: tổn thương cơ thể Nguyễn Chí T1 là 85%; tổn thương cơ thể Huỳnh Thanh T2 là: 50%; tổn thương cơ thể Nguyễn Minh T là 5%.

[3] Hành vi của Nguyễn Văn S không có giấy phép lái xe nhưng vẫn điều khiển phương tiện giao thông lưu thông không đúng phần đường quy định gây tai nạn giao thông với hậu quả như đã nêu ở trên; Hành vi của Nguyễn Minh T biết rõ Nguyễn Văn S không đủ điều kiện điều khiển xe nhưng vẫn giao xe cho S điều khiển, đã vi phạm khoản 7 Điều 9 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

[4] Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; kết luận bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Sau khi Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 31/7/2026 bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 04/8/2026 và ngày 14/8/2026 bị hại Nguyễn Chí T1, bị hại Huỳnh Thanh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Xét thấy, các đơn kháng cáo nêu trên làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo S và kháng cáo của các bị hại:

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tài sản, sức khoẻ của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo. Nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử còn xem xét đến tính chất, mức độ của

hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của các bị cáo.

[6.1] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo T lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bản thân bị cáo và gia đình đã bồi thường cho các bị hại số tiền 130.000.000 đồng và được các bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Và Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo.

[6.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S nên cần cho bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6.3] Bị hại Nguyễn Chí T1 và bị hại Huỳnh Thanh T2 có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại vì cho rằng bị cáo T mới là người gây tai nạn cho các bị hại, nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới. Xét thấy, quá trình điều tra đã xác định bị cáo Nguyễn Minh T biết rõ bị cáo Nguyễn Văn S không có giấy phép lái xe nhưng vẫn đồng ý giao xe cho bị cáo S điều khiển; bị cáo S là người điều khiển xe chở Trung lưu thông trên đường N. Nhưng do S không làm chủ được tay lái khiến thùng xe phía sau va chạm vào tường hộ lan bên phải nên S phải đánh lái sang bên trái, lấn sang làn đường ngược chiều, tông vào xe mô tô biển số 68G1-158.75 do ông Nguyễn Chí T1 điều khiển dẫn đến tai nạn.

Như vậy, với kết quả điều tra nêu trên, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát khu vực 6, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo các điểm a, e khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; và kết luận bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 2 Điều 264 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị hại.

[6.4] Đối với bị cáo Nguyễn Văn S, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử 4 năm tù là đúng trong khung hình phạt, nhưng với hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo S2, nên Hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ một phần mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là vẫn đảm bảo sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Ngoài ra, đối với việc bị hại cho rằng gia đình bị cáo T đã chạy án cho cơ quan điều tra và Hội đồng xét xử sơ thẩm, nhưng không xuất trình được chứng cứ gì. Xét thấy, trong vụ án này, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét đến hành vi phạm

tội của bị cáo Nguyễn Văn S, bị cáo Nguyễn Minh T, do đó những vấn đề mà ông Nguyễn Chí T1, bà Huỳnh Thanh T2 đã nêu trong đơn kháng cáo, thì đề nghị ông T1, bà T2 gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Lập luận trên đây là căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận một phần lời bào chữa của Luật sư tại phiên tòa.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị hại Nguyễn Chí T1, Huỳnh Thanh T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 345; các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024, 2025;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S; không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Nguyễn Chí T1, Huỳnh Thanh T2; sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ các điểm a, e khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/12/2025.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 264; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Minh T** 01 (một) năm tù về tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/7/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân xã H, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự năm 2025. Trong thời gian thử thách mà người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 và Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Minh T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho 02 (hai) bị hại là ông Nguyễn Chí T1, bà Huỳnh Thanh T2 với tổng số tiền 474.100.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm nghìn đồng). Trong đó bị cáo S phải bồi thường theo phần với số tiền là 237.050.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng); bị cáo T phải bồi thường theo phần với số tiền là 237.050.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền đã bồi thường 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), nên bị cáo T còn phải bồi thường theo phần số tiền 107.050.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Văn S, các bị hại không phải nộp.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/9/2026).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND khu vực 6; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- P. PV06- Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (2)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Người bào chữa; (1)
- Trại giam; (1)
- Phòng THADS khu vực 6; (1)
- TAND khu vực 6; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng